

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/02/2023

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Lý

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký ghi biên bản: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ: không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn Nh, sinh năm: 1964 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Khu phố Sơn T, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn xin ly hôn, ông Bùi Văn Nh trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị X quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1986, hai bên không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà sinh được hai người con chung tên Bùi Thị Trúc L, sinh ngày 07/06/1987 và Bùi Hoàng Nh, sinh ngày 03/03/1989.

Về mâu thuẫn gia đình: Từ ngày 30/4/2014, sau một lần cãi nhau, bà X đã bỏ nhà không biết đi đâu, đến khoảng giữa năm 2022 mới về được thời gian ngắn bà

X lại bỏ đi. Từ năm 2014 đến nay hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau, bà X chỉ liên hệ lại với các con.

Nay ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Về con chung: Các con ông bà đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X:* Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được Thông báo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Xiêu đã được thông báo về việc tham gia tố tụng, nhưng bà không có mặt theo các Thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung yêu cầu xin ly hôn của ông Nh, nên không có lời khai của bà X tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Văn Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị X. Phía bị đơn cư trú tại khu phố Sơn T, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn Nh và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986. Mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, tuy nhiên căn cứ vào mục 1 Thông tư liên tịch số 01 ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nh và bà X được coi là hôn nhân thực tế và vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình, ông bà đều có các quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do trong thời kỳ hôn nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay, không còn tình cảm và không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Ông Nh và bà X hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi trong suốt thời gian dài từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời các bên tham gia phiên hòa giải, nhưng bà X không đến tham dự, chứng tỏ bà X cũng không có thiện chí muốn hòa giải với ông Nh, nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa ông bà không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nh và bà X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nh.

[4]. Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Bùi Thị Trúc L, sinh ngày 07/06/1987 và Bùi Hoàng Nh, sinh ngày 03/03/1989. Hiện nay chị Trúc L đã có gia đình riêng, còn anh Hoàng Nh cũng đã trưởng thành và tự đi làm nuôi sống bản thân, nên ông Nh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Ông Nh xác định không có nợ chung của vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn Nh.

[7]. Về án phí: Ông Nh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Áp dụng Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01 ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Bùi Văn Nh được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

2. Về con chung: Các con ông bà đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông Nh xác định không có nợ chung của vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Ông Bùi Văn Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0004164 ngày 10 tháng 11 năm 2022. Ông Nh không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện HD;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cúc